TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2017/DS-PT
Ngày: 27/10/2017
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Hiếu**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Kim Em**

Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hậu Mộng Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 227/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Văn L**, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: 26 Hồ Văn N, Phường 10, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Hoàng Ơ, sinh năm 1960. Là Hội viên Hội Luật gia tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Địa chỉ: 801 Nguyễn Minh Đ, Ấp 1, xã Đạo T, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Ngô Thị P**, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 292 Ấp B, Phường 5, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Trí N, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 292 Ấp B, Phường 5, Tp. M, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Trần Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:

- Ngày 29/12/2011 bà Ngô Thị P có hỏi vay của ông số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, trả lãi hàng tháng.

- Ngày 22/01/2012 bà P vay 4.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thời hạn 03 tháng.

Biên nhận do chính bà P viết, mỗi lần thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, hai lần giao nhận tiền có con của bà P là Lê Trí N, sinh năm 1984 chứng kiến và có một lần ký 02 biên nhận với tư cách người thừa kế.

Mục đích vay để chi phí việc theo đuổi vụ tranh chấp nhà đất tọa lạc tại địa chỉ nêu trên, mà bà P là người đại diện theo ủy quyền những người thừa kế nguyên đơn, đến khi vụ án được giải quyết ở cấp sơ thẩm thì trả hết vốn và lãi. Ngày 04/01/2016, vụ án của bà P đã được giải quyết xong. Từ khi kết thúc vụ án tới nay bà P không liên lạc gì với ông mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ. Ông nhận thấy bà P không có thiện chí tự nguyện trả nợ nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà P trả nợ gốc 24.000.000 đồng.

- Trả lãi 10%/tháng cho số tiền 4.000.000 đồng, thời gian 61 tháng, thành tiền là 24.400.000 đồng.

- Trả lãi 10%/tháng cho số tiền 20.000.000 đồng, thời gian 62 tháng, thành tiền là 124.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền buộc bà P phải trả là 172.400.000 đồng. Trả một lần khi hòa giải thành hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông L yêu cầu bà P trả 24.000.000 đồng tiền vốn vay, thay đổi yêu cầu bà P trả tiền lãi cho ông theo lãi suất 20%/năm. Tiền lãi ông yêu cầu bà P phải trả là 30.000.000 đồng.

Bị đơn bà Ngô Thị P, đại diện theo ủy quyền của bà P, chị Phạm Thị Quỳnh N trình bày:

- Bà P vay của ông Trần Văn L tổng số tiền 24.000.000 đồng gồm:

+ Ngày 29/12/2011, vay 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, nộp lãi hàng tháng với thời hạn thỏa thuận.

+ Ngày 22/01/2012, mượn 4.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, nộp lãi hàng tháng với thời hạn 03 tháng kể từ ngày mượn tiền.

Sau khi vay tiền, bà P giữ đúng cam kết trả lãi vay hàng tháng đúng hạn. Vì ông L cho bà P vay lấy lãi cao và theo thói quen dân gian nên việc nộp lãi không có làm biên nhận, đến ngày đóng lãi thì ông L đến lấy. Đến tháng 02/2013 thì bà P đã trả đủ tất toán các khoản vốn và lãi vay cho ông L, cụ thể như sau:

1. Khoản vay ngày 29/12/2011, vốn gốc 20.000.000 đồng. Trả vốn thành 02 lần: 17.000.000 đồng vào cuối tháng 01/2013 (không giấy tờ); 3.000.000 đồng ngày 05/02/2013 (ông L có viết giấy nhận).

Trả lãi suất hàng tháng tổng cộng 14 tháng: 20.000.000 đồng x 10% x 14 tháng = 28.000.000 đồng.

2. Khoản vay ngày 21/01/2012 vốn gốc 4.000.000 đồng trả vốn gốc ngày 05/2/2013 (ông L có viết giấy nhận chung với phần trả 3.000.000 đồng của khoản vay 20.000.000 đồng).

Trả lãi suất hàng tháng tổng cộng 13 tháng: 4.000.000 đồng x 10% x 13 tháng = 5.200.000 đồng.

Cuối tháng 01/2013 ông L đến lấy lãi vay, bà P đã giao cho ông L 20 triệu đồng (trong đó bao gồm đóng lãi cho 02 khoản vay 2.400.000 đồng như thường lệ, trả bớt vốn gốc 17.000.000 đồng còn lại 600.000 đồng bà P đưa dư) vì bà P nói với ông L tuần sau bà sẽ trả kết toán 7 triệu đồng vốn gốc còn lại cho ông L. Do đó, ông L lấy luôn 600.000 đồng xem như lãi vay 01 tuần cho 7 triệu đồng tiền vốn còn thiếu. Khi đưa 20 triệu đồng bà P có yêu cầu ông L viết biên nhận, thì ông nói sang tuần sau trả đủ 7 triệu đồng dứt điểm rồi sẽ viết biên nhận luôn. Đến ngày 05/2/2013 sau 01 tuần như đã hứa bà P đã trả dứt 07 triệu đồng tiền vốn còn thiếu cho ông L, và ông L đã viết giấy nhận tiền như bà P đã cung cấp cho Tòa.

Tóm lại bà P đã trả cho ông L tổng cộng cả vốn lẫn lãi vay số tiền:

20 triệu đồng + 28 triệu đồng tiền lãi + 4 triệu đồng + 5,2 triệu đồng tiền lãi + 600.000 đồng tiền lãi = 57.800.000 đồng.

Vì bà P đã trả đầy đủ số tiền vốn lãi đã vay nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ngày 29/3/2017 ông Trần Văn L có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngăn chặn việc giao dịch mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất tọa lạc tại 292 Ấp B, Phường 5, Tp. M, tỉnh Tiền Giang.

Theo Quyết định số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, ngày 03/4/2017 ông Trần Văn L đã gửi tài sản bảo đảm là số tiền 20.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa 100866845618 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang.

Ngày 05/4/2017, bị đơn bà Ngô Thị P có đơn yêu cầu Tòa án thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời, bà đồng ý phong tỏa tài khoản tại ngân hàng theo quy định tại khoản 10 Điều 114, Điều 137 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho đã phong tỏa tài khoản số 150114849280495-TGCN TR/NC KKH của bà Ngô Thị P tại Ngân hàng xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Tho với số tiền 35.000.000 đồng cho đến khi có quyết định của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 476 Bộ luật Dân sự

2005, Điều 429 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của ông Trần Văn L.

1. Buộc bà Ngô Thị Ph có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2017 cho đến khi thi hành án xong.

Ông Trần Văn L được nhận lại số tiền đảm bảo là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) trong Tài khoản phong tỏa là 100866845618 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang theo Quyết định số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/7/2017, nguyên đơn ông Trần Văn L có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án, buộc bà P trả tiền lãi cho ông Lực, từ đó sửa phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn L thay đổi yêu cầu kháng cáo, ông L yêu cầu bà P trả tiền lãi của tiền vay 20.000.000 đồng tại biên nhận ngày 29/12/2011. Bị đơn bà Ngô Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Văn L phát biểu ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lực về việc tính tiền lãi bà P vay của ông L 20.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29/12/2011.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội dồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L về số tiền lãi bà Ngô Thị P phải trả cho ông theo 02 biên nhận nợ vay ngày 29/12/2011 số tiền vay 20.000.000 đồng và biên nhận nợ ngày 22/01/2012 số tiền vay 4.000.000 đồng là không có cơ sở vì đã hết thời hiệu theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự. Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 29/12/2011 ông Trần Văn L có cho bà Ngô Thị P vay 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng; nộp lãi hàng tháng; vốn thời hạn theo thỏa thuận, bà P có viết biên nhận (BL 12).

Ngày 22/01/2012 bà Ngô Thị P vay của ông Trần Văn L 4.000.000 đồng; Thời gian 03 tháng; lãi suất 10%/tháng. Trả lãi hàng tháng; trả vốn đúng hạn, bà P có viết giấy nhận tiền (BL 13).

Ông L yêu cầu bà P trả nợ gốc 24.000.000 đồng.

- Trả lãi 10%/tháng cho số tiền 4.000.000 đồng, thời gian 61 tháng, thành tiền là 24.400.000 đồng.

- Trả lãi 10%/tháng cho số tiền 20.000.000 đồng, thời gian 62 tháng, thành tiền là 124.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền buộc bà P phải trả là 172.400.000 đồng. Trả một lần khi hòa giải thành hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông L yêu cầu bà P trả 24.000.000 đồng tiền vốn vay, thay đổi yêu cầu bà P trả tiền lãi cho ông, ông yêu cầu trả theo lãi suất 20%/năm. Tiền lãi ông yêu cầu bà P phải trả là 30.000.000 đồng.

Chị Phạm Thị Huỳnh N đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị P trình bày bà P đã trả đủ tiền cho ông L, bà P đã trả nhiều lần tiền vốn và tiền lãi cho ông L, trả tổng cộng là 57.800.000 đồng, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông L.

Nhận thấy, ông Trần Văn L cho bà Ngô Thị P vay 24.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 29/12/2011 và giấy nhận tiền ngày 22/01/2012, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, trả lãi hàng tháng, trả vốn đúng hạn. Sau khi bà P vay 02 khoản tiền trên, ông L trình bày do bà P không trả tiền vốn và tiền lãi đúng hạn nên có đơn khởi kiện yêu cầu bà P phải trả cho ông 24.000.000 đồng tiền vốn và tiền lãi, tiền lãi tính thời gian từ ngày bà P viết biên nhận sau cùng là ngày 22/01/2012, theo lãi suất 20%/năm (Đơn khởi kiện ông Lực gửi qua đường bưu điện. Bưu điện đóng dấu bao thư vào ngày 06/3/2017).

Xét yêu cầu khởi kiện của ông L, ông L yêu cầu bà P phải trả số tiền vốn vay 24.000.000 đồng và tiền lãi, vì bà P sau khi vay đã không thực hiện theo thỏa thuận là hàng tháng trả tiền lãi cho ông L từ tháng 01/2012 theo biên nhận nợ ngày 29/12/2011 và từ tháng 02/2012 theo giấy mượn tiền ngày 22/01/2012 và tiền vốn vay cho ông.

Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Căn cứ vào quy định này thì ông L khởi kiện yêu cầu bà P trả số tiền vay đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên bà P có đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thời hiệu đối với số tiền lãi ông L yêu cầu bà phải trả (đơn đề ngày 05/4/2017 và Tòa án cấp sơ thẩm nhận đơn vào ngày 05/4/2017). Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L. Buộc bà P phải trả cho ông L số tiền vốn vay 24.000.000 đồng, không chấp

nhận yêu cầu của ông L yêu cầu bà P phải trả cho ông tiền lãi của số tiền vốn vay 24.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Văn Lực kháng cáo yêu cầu bà Ngô Thị P phải trả cho ông tiền lãi của số tiền vay 20.000.000 đồng tại biên nhận ngày 29/12/2011 là không có cơ sở. Do đó, không chấp chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lực.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 184, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu của khởi kiện của ông Trần Văn L.

- Buộc bà Ngô Thị P có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Ngô Thị P chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Tiếp tục duy trì Quyết định thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2017/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang cho đến khi thi hành án xong.

- Ông Trần Văn L được nhận lại số tiền bảo đảm là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) trong Tài khoản phong tỏa là 100866845618 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang theo Quyết định số 02/2017/QĐ-BPBĐ ngày 31/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2/ Về án phí: Bà Ngô Thị P phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn L phải chịu 1.500.000 đồng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông L đã nộp 4.310.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 31595, ngày 16/3/2017 và số 32232, ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, khấu trừ xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm, được hoàn lại 2.810.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho;
- CCTHADS thành phố Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Hiếu